

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

I. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1. Thông tin chung:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700289499
- Vốn điều lệ: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 160.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 033.3862229.
- Số fax: 033.3860641.
- Website: Taynamdamai.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 25/09/1999, Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 5700289499 ngày 13/10/2014.

Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 42/1999/QĐ-BCN ngày 16/7/1999 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần, Công ty hoạt động với mức vốn điều lệ là 6.531.837.535 đồng, hiện nay, vốn điều lệ của Công ty đã được nâng lên là 160 tỷ đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Khai thác và chế biến, kinh doanh than. Cung ứng xuất nhập khẩu hàng hóa vật tư phục vụ khai thác mỏ, sửa chữa máy móc thiết bị.

- Địa bàn hoạt động kinh doanh chính: Trụ sở văn phòng Công ty đặt tại phường Cẩm Sơn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Khai trường sản xuất: Mỏ Tây Nam Đá Mài và Khe Chàm II tại phường Cẩm Tây thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Định hướng phát triển.

Năm 2015 và các năm tiếp theo Công ty vẫn tập trung vào ngành nghề kinh doanh truyền thống là khai thác than các loại, tiếp tục mở rộng diện khai thác theo kế hoạch xây dựng giai đoạn 2015-2020. Quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên hiện có, quản lý khối lượng mỏ, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, tăng cường chế biến sâu đất đá lẫn than, tận thu tài nguyên, nâng

cao hệ số thu hồi than đảm bảo về số lượng và chất lượng phục vụ tiêu thụ theo nhu cầu thị trường. Phần đầu đến năm 2017 đạt công suất mỏ: 2,5 tr tấn than NK khai thác.

Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại, từng bước đồng bộ hóa dây truyền công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tiết kiệm chi phí.

Sắp xếp thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự gọn nhẹ, có năng lực và hiệu quả cao. Thực hiện công tác đào tạo lại cho CB-CNV, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác mỏ, kỹ năng quản lý,...

Tổ chức trồng cây, xử lý chất thải nguy hại, thường xuyên quan trắc môi trường và thực hiện nghiêm các quy định của Pháp luật về công tác môi trường.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG.

Quá trình tổ chức sản xuất năm 2014 của Công ty có nhiều thuận lợi nhưng cũng có không ít khó khăn.

* Thuận lợi:

- Nền kinh tế trong nước tiếp tục được duy trì ổn định, tăng trưởng thúc đẩy các ngành sản xuất trong nước phát triển.

- Nhu cầu tiêu thụ than trong nước tăng, việc làm cho người lao động được đảm bảo, ổn định.

* Khó khăn:

- Thời tiết mưa nhiều, mưa kéo dài (có nhiều tháng mưa trên 20 ngày), điều kiện làm việc khắc nghiệt, đường trơn lầy, khai thác xuống sâu... nên sản xuất gặp nhiều khó khăn.

- Diện sản xuất chưa được mở rộng. Công tác mở rộng mặt bằng sản xuất, thuê đất ... gặp nhiều khó khăn do đến ngày 26 tháng 6 năm 2014 Bộ Tài nguyên – Môi trường mới cấp quyền khai thác và giữa tháng 11 Công ty Khai thác khoáng sản – Tổng Công ty Đông Bắc mới tiến hành bàn giao một phần ranh giới mỏ cho Công ty để tổ chức sản xuất (phần còn lại sang năm 2015). Mặt khác công tác mở rộng bãi thải gặp khó khăn trong việc thông nhất đền bù với các hộ dân.

Trước tình hình khó khăn đó, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã đề ra nhiều biện pháp, giải pháp kịp thời từng bước ổn định sản xuất, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế tại thời điểm. Ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản, nội quy, quy chế theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam và Nhà nước ban hành. Tổ chức tốt các phong trào thi đua lao động sản xuất trong CB-CNLĐ, Công ty đã từng bước vượt qua những khó khăn để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014, kết quả đạt được như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014	KẾ HOẠCH ĐC NĂM 2014	THỰC HIỆN NĂM 2014	% SO NĂM 2013	% SO KH ĐC NĂM 2014
1	Đất đá bốc xúc	1 000 m ³	21.197	25.000	21.570	17.206	81,2	79,8
2	Than NK sản xuất	1000 tấn	1.176	1.300	1.115	1.115	94,8	100
3	Than tiêu thụ	1000 tấn	1.026	1.295	1.295	1.440	140,4	111,2
4	Doanh thu tổng số	Tr.đ	1.701.606	1.833.540	1.833.540	2.250.339	132,3	122,7

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2013	KẾ HOẠCH NĂM 2014	KẾ HOẠCH ĐC NĂM 2014	THỰC HIỆN NĂM 2014	% SO NĂM 2013	% SO KH DC NĂM 2014
*	Doanh thu than	Tr.đ	1.556.094	1.833.540	1.833.540	2.131.326	136,9	116,2
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	61.595	24.911	24.911	30.192	49,02	121,2
6	Lao động	Người	1.182	1.170	1.170	1.161	98,2	99,2
7	Thu nhập	đ/ng/tháng	6.885.000	6.589.000	6.589.000	6.357.000	92,3	96,5

Qua kết quả kinh doanh năm 2014, các chỉ tiêu than tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận trước thuế đều vượt so với kế hoạch điều chỉnh đã đáp ứng được yêu cầu của người lao động và cổ đông Công ty.

Công tác Đầu tư tài sản, máy móc thiết bị.

Tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần thứ 17 năm 2014, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản là: 548.034 tr.đ. Trong năm Tập đoàn có quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng 2014 của Công ty tại Công văn số 5350/TKV-ĐT ngày 03/10/2014. Hội đồng quản trị Công ty đã họp và điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng 2014. Theo đó tổng mức đầu tư năm 2014 giảm từ 548.034 triệu đồng xuống 437.731 triệu đồng.

Năm 2014 Công ty đã bám sát tình hình thực tế để thực hiện công tác ĐTXDCB, kết quả thực hiện đạt: 308.573 tr.đ tương ứng 70,49 % KII.

Thực hiện các công tác khác:

- Công tác thuê ngoài bốc xúc đất đá: Ngay từ đầu năm Công ty đã chủ động cân đối và giao kế hoạch theo năng lực của Công ty, khối lượng còn thiếu Công ty đã báo cáo TKV cho phép thực hiện khối lượng đấu thầu năm 2013 chưa thực hiện xong chuyển sang, mặt khác tổ chức đấu thầu khối lượng còn lại, lựa chọn được những đơn vị có năng lực đáp ứng được yêu cầu về khối lượng và tiến độ tham gia thi công khai thác, tuy nhiên do ảnh hưởng của thời tiết nên các đơn vị thuê ngoài cũng không thực hiện hết khối lượng đã trúng thầu.

- Công tác khoan nổ mìn: Đã triển khai, bám sát kế hoạch khai thác, bố trí diện thi công hợp lý đảm bảo năng lực cho máy khoan, đảm bảo chất lượng từng bãi nổ, chuẩn bị đủ đất cho các máy xúc hoạt động. Tuy nhiên do khai thác xuống sâu, mặt khác mưa nhiều, mặc dù đã tập trung bơm nước moong và hố nổ nhưng tỷ lệ thuốc nổ chịu nước thực hiện cao, chưa đạt yêu cầu theo kế hoạch.

- Công tác quản lý khối lượng mỏ: Được tổ chức quản lý khoa học, hợp lý, thực hiện hệ số chất tải đảm bảo. Việc quản lý khối lượng mỏ thành công mang lại lợi ích thiết thực cho người lao động, đem lại hiệu quả cho SXKD của Công ty.

- Công tác quản lý chi phí giá thành và tiết giảm chi phí: Công ty đã giao kế hoạch sản xuất chi tiết cho từng công trường phân xưởng và khoán chi phí đối với các đơn vị. Việc quản lý chi phí được Công ty đánh giá hàng tháng, quý nên đã hạn chế được bội chi trong các công đoạn, tiết kiệm chi phí góp phần làm tăng lợi nhuận cho Công ty.

Thực hiện theo chỉ đạo của Tập đoàn về công tác tiết giảm chi phí, Công ty đã tổ chức xem xét lại tất cả các khâu, công đoạn sản xuất từ đó đề ra nhiều biện pháp và có những điều chỉnh nhằm đảm bảo công tác tiết giảm chi phí theo yêu cầu của Tập đoàn đồng thời vẫn ổn định sản xuất cụ thể như: Điều chỉnh hệ thống các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật; thực hiện tốt hoạt động tài chính, bảo toàn vốn trong sản xuất; tăng cường tận thu, chế biến sâu sản phẩm ngoài than; tổ chức, điều hành sản xuất hợp lý, tăng thời gian huy động thiết bị và thực hiện tăng năng suất lao động; quản lý tốt khối lượng mỏ, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, nâng cao tỷ lệ thu hồi than; quản lý tốt lao động và đảm bảo công tác an toàn trong sản xuất; quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên hiện có,....

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2014

➤ Doanh thu, lợi nhuận

Đơn vị tính: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/giảm	% tăng/giảm
Doanh thu	1.701.605.881	2.250.338.731	548.732.850	132,25
Lợi nhuận sau thuế	45.403.484	8.901.705	(36.501.779)	19,61

Qua số liệu cho thấy, chỉ tiêu doanh thu năm 2014 của Công ty tăng so với năm trước do năm 2014 nhu cầu tiêu thụ than trong nước tăng so với năm 2013.

➤ Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tăng/giảm	% tăng/giảm
Tổng tài sản	1.981.363.307.963	1.686.356.018.510	(295.007.289.453)	85,11
- Tài sản ngắn hạn	1.287.396.066.673	760.337.509.972	(527.058.556.701)	59,06
- Tài sản dài hạn	693.967.241.290	926.018.508.538	232.051.267.248	133,44
Tổng nguồn vốn	1.981.363.307.963	1.686.356.018.510	(295.007.289.453)	85,11
- Nợ phải trả	1.749.292.948.879	1.454.285.659.426	(295.007.289.453)	83,14
- Vốn chủ sở hữu	232.070.359.084	232.070.359.084	0	0
Tỷ suất sinh lời				
- Tỷ suất LNST/DTT	2,67%	0,39%		
- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	2,29%	0,53%		
- Tỷ suất LNST/Vốn CSH	19,56	3,84		
- Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	28,38	5,56		

Tổng tài sản năm nay so với năm trước đạt 85,11% tương ứng với giảm 295.007.289.453 đồng.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Tăng/giảm	% tăng/giảm
- Tổng doanh thu	1.833.540	2.250.339	416.799	122,73%
- Lợi nhuận trước thuế	24.911	30.192	5.281	121,20%
- Lợi nhuận sau thuế	24.911	8.902	(16.009)	35,74%
- Tỷ lệ cổ tức	6-12%	Dự kiến 4%		
- Tỷ suất lợi nhuận/ VDL	15,57%	5,56%	(10%)	35,71%

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đã thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch về chỉ tiêu tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế, cụ thể: Tổng doanh thu vượt kế hoạch 22,73%. Lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 21,2%.

3. Triển vọng và kế hoạch trong năm 2015.

Than là loại nguyên liệu rất cần thiết cho công nghiệp và đời sống, vì vậy triển vọng phát triển của ngành Than nói chung và Công ty nói riêng là rất lớn. Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam, Công ty cũng nhận được nhiều sự hỗ trợ của Tập đoàn trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, đây là một thuận lợi lớn cho khai thác, kinh doanh của Công ty.

Năm 2015, Công ty đặt ra kế hoạch kinh doanh như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH 2015
1	Than nguyên khai	1.000 Tấn	1.800
2	Đất bóc sản xuất	1.000 m ³	27.000
-	Đất CBSX	"	25.000
-	Đất XD CB	"	2.000
3	Than sạch	1.000 Tấn	1.082
-	Từ nguyên khai	"	882
-	Từ CB ĐDLT	"	200
4	Than tiêu thụ	1.000 Tấn	1.882
-	Than sạch	"	1.082
-	Than Nguyên khai	"	800
5	Doanh thu	Triệu đồng	2.632.633
6	Lợi nhuận	Triệu đồng	23.217
7	Lao động	Người	1.486
8	Tiền lương bình quân	d/người-tháng	6.886

4. Thay đổi thành viên HĐQT, BKS:

Trong năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp than Khoáng sản Việt Nam cổ đông sở hữu 65,37% cổ phần của Công ty đã có các quyết định thay đổi người đại diện TKV tại Công ty, cụ thể:

- Quyết định số 1183/QĐ-TKV ngày 11/6/2014, thay đổi nhân sự người đại diện của TKV tham gia ban kiểm soát tại Công ty, theo đó HĐQT Công ty đã tổ chức cổ đông bất thường năm 2014 bằng hình thức hỏi ý kiến cổ đông bằng văn bản. HĐQT đã ra nghị quyết:

+ Ông Phạm Xuân Vinh tham gia BKS của Công ty nhiệm kỳ 2014 -2019.

- Quyết định số 1771/QĐ-TKV ngày 13/8/2014, thay đổi nhân sự đại diện của Vinacomin tại Công ty, theo đó HĐQT Công ty đã họp và ban hành quyết định:

+ Ông Phạm Hồng Tài thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, thôi tham gia HĐQT Công ty kể từ hồi 10h50' ngày 20 tháng 8 năm 2014.

+ Ông Hoàng Minh Hiếu, trưởng ban Tập đoàn, thành viên ban quản lý vốn tại các doanh nghiệp, người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đà Mai – Vinacomin là ủy viên HĐQT, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ hồi 10h50' ngày 20 tháng 8 năm 2014.

- Quyết định số 1867/QĐ-TKV ngày 25/8/2014, thay đổi nhân sự đại diện của Vinacomin tại Công ty, theo đó HĐQT Công ty đã họp và ban hành quyết định:

+ Ông Phạm Văn Hà thôi giữ chức vụ ủy viên Hội đồng quản trị Công ty, thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 để nhận nhiệm vụ mới tại Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam.

+ Ông Nguyễn Xuân Lập người đại diện của TKV tham gia quản lý tại Công ty thay gia HĐQT, giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

HĐQT hiện nay gồm 05 thành viên, trong đó 04 thành viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý Công ty và 01 thành viên HĐQT chuyên trách. Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

IV. BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC.

1. Báo cáo tình hình tài chính

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh

CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2014
Tổng doanh thu	1.701.605.881.698	2.250.338.731.789
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu		
Các khoản giảm trừ	0	0
1. Doanh thu thuần	1.701.605.881.698	2.250.338.731.789
2. Giá vốn hàng bán	1.371.059.480.952	2.045.563.200.721
3. Lợi nhuận gộp	330.546.400.746	204.775.531.068
4. Doanh thu hoạt động tài chính	106.607.539	117.883.218
5. Chi phí hoạt động tài chính	96.393.423.968	63.909.630.540
* Trong đó: Chi phí lãi vay	96.393.423.968	59.779.928.676
6. Chi phí bán hàng	75.238.158.998	2.473.603.320
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	99.826.373.515	110.658.994.399

CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2014
8. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	59.195.051.804	27.851.186.027
9. Thu nhập khác	39.114.345.394	2.505.760.498
10. Chi phí khác	36.714.513.403	165.171.600
11. Lợi nhuận khác	2.399.831.991	2.340.588.898
12. Tổng lợi nhuận trước thuế	61.594.883.795	30.191.774.925
13. Thuế TNDN phải nộp	16.191.399.272	21.290.069.920
15. Lợi nhuận sau thuế	45.403.484.523	8.901.705.005
16. EPS (Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu)	2.838	556

➤ **Bảng cân đối kế toán**

TÀI SẢN	31/12/2013	31/12/2014
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.287.396.066.673	760.337.509.972
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	257.636.309	788.743.414
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	459.261.882.499	290.875.967.080
4. Hàng tồn kho	826.156.638.872	448.742.982.115
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.719.908.993	19.929.817.363
B – TÀI SẢN DÀI HẠN	693.967.241.290	926.018.508.538
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2. Tài sản cố định	651.888.614.999	812.018.422.323
3. Bất động sản đầu tư	0	0
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	21.799.000.000	17.669.298.136
5. Tài sản dài hạn khác	20.279.626.291	96.330.788.079
TỔNG TÀI SẢN	1.981.363.307.963	1.686.356.018.510
NGUỒN VỐN	31/12/2013	31/12/2014
A – NỢ PHẢI TRẢ	1.749.292.948.879	1.454.285.659.426
1. Nợ ngắn hạn	1.120.828.500.879	715.784.411.832
2. Nợ dài hạn	628.464.448.000	738.501.247.594
B – VỐN CHỦ SỞ HỮU	232.070.359.084	232.070.359.084
1. Vốn chủ sở hữu	232.070.359.084	232.070.359.084
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
TỔNG NGUỒN VỐN	1.981.363.307.963	1.686.356.018.510

➤ **Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,15	1,06
Hệ số thanh toán nhanh	0,41	0,44
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản (%)		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	64,98	45,09
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	35,02	54,91
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
Nợ/Tổng tài sản	88,28	86,24
Nợ/Vốn chủ sở hữu	753,77	626,66
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay các khoản phải thu	7,28	6,00
Vòng quay hàng tồn kho	1,87	3,21
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,67%	0,39%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,56%	3,84%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,29%	0,53%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,48%	1,24%
EPS (Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu)	2.838	556

➤ **Những thay đổi về vốn cổ đông**

Vốn điều lệ đầu năm 2014: 160.000.000.000 VNĐ

Tăng vốn trong năm: 0 VNĐ

Giảm vốn trong năm: 0 VNĐ

Vốn điều lệ cuối năm 2014: 160.000.000.000 VNĐ

➤ **Tổng số cổ phiếu theo từng loại**

Cổ phiếu phổ thông: 16.000.000 cp.

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cp.

➤ **Cổ tức chi cho các cổ đông**

Cổ tức chi cho các cổ đông năm 2015 dự kiến mức 4%.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra trong đó: doanh thu đạt 2.250,3 tỷ đồng tăng 22,73%% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 30,19 tỷ đồng tăng 21,2% so với kế hoạch.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

➤ **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.**

Doanh thu là 2.632,6 tỷ đồng tăng 16,99% so với thực hiện năm 2014.

Lợi nhuận trước thuế đạt 23,22 tỷ đồng giảm 23,09% so với thực hiện năm 2014.

➤ **Định hướng phát triển**

Tiếp tục mở rộng khai thác than theo kế hoạch xây dựng giai đoạn 2015 - 2020, quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên hiện có, quản lý khối lượng mỏ, các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, nâng cao hệ số thu hồi than đảm bảo về số lượng và chất lượng phục vụ tiêu thụ theo nhu cầu thị trường.

Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại, từng bước đồng bộ hóa dây truyền công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tiết kiệm chi phí.

Tận dụng mạng lưới kinh doanh sẵn có, tranh thủ tối đa ưu thế là thành viên của Tập đoàn công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam.

Sắp xếp thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự gọn nhẹ, có năng lực và hiệu quả cao. Thực hiện công tác đào tạo lại cho CB-CNV, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác mỏ, kỹ năng quản lý,...

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (theo phụ lục đính kèm).

1. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (PKF) là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014.

2. Ý kiến của kiểm toán độc lập (theo kết luận kiểm toán).

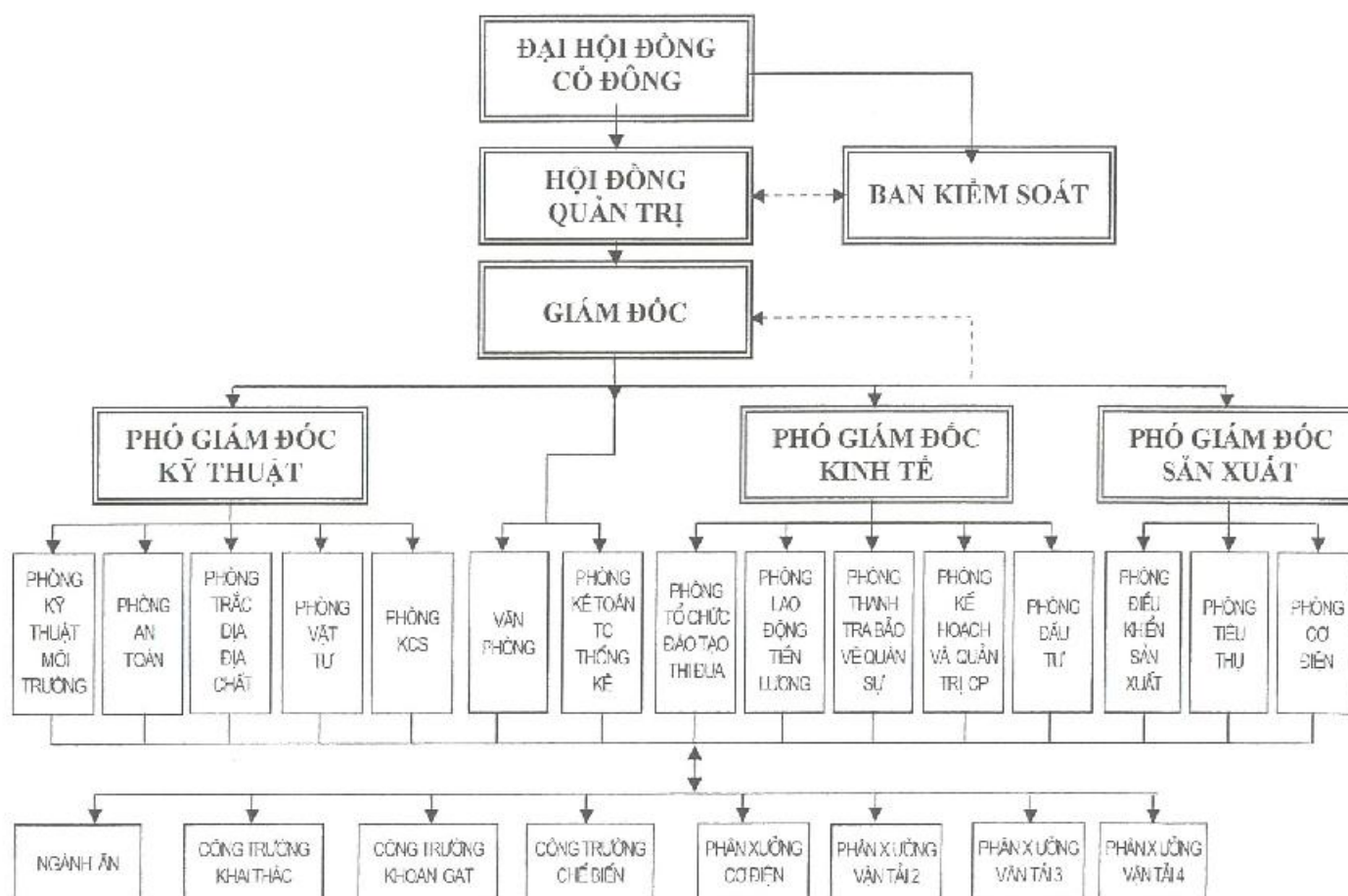
VI. CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN.

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty:

- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- Địa chỉ: 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội
- Số lượng CP nắm giữ: 10.459.404 cổ phần, chiếm tỷ lệ 65,37%

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.

➤ Cơ cấu tổ chức của Công ty



➤ **Số lượng nhân viên và chính sách đối với người lao động**

Số lượng CBCNV: 1.169 người.

+ Số cán bộ quản lý là 169 người.

+ Số công nhân phục vụ phụ trợ là 351 người.

+ Số công nhân sản xuất chính là 649 người.

Chính sách lao động: Các chính sách đối với người lao động áp dụng theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Công ty xây dựng và ban hành quy chế tiền lương, tiền thưởng trên cơ sở hao phí lao động và gián cách thu nhập theo ngành nghề, phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo làm động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, đồng thời khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ từ đó thu hút lao động có trình độ, tay nghề.

➤ **Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Thành viên Hội đồng quản trị

- | | |
|------------------------|---|
| • Ông Hoàng Minh Hiếu | Chủ tịch HĐQT - Hoạt động độc lập, không điều hành. |
| • Ông Nguyễn Xuân Lập | Ủy viên, GĐĐH |
| • Ông Nguyễn Trọng Tấn | Ủy viên |
| • Ông Vũ Trọng Tuấn | Ủy viên |
| • Ông Phạm Cao Nghĩa | Ủy viên |

Thành viên Ban kiểm soát

- | | |
|------------------------|----------------------|
| • Ông Phạm Xuân Vinh | Trưởng Ban Kiểm soát |
| • Ông Phạm Phú Mỹ | Ủy viên |
| • Ông Nguyễn Huy Hoàng | Ủy viên |

➤ **Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức 42 cuộc họp thường kỳ và đột xuất, ban hành 167 văn bản tuân thủ đúng pháp luật, đúng điều lệ Công ty. Các văn bản bao gồm điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty, các quyết định về lĩnh vực sản xuất, mô hình sản xuất, công tác đầu tư, công tác tổ chức cán bộ, tiền lương, tiền thưởng...được ban hành kịp thời giúp cho Giám đốc Công ty quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất năm 2014 đạt hiệu quả từng bước vượt qua khó khăn trong quá trình SXKD.

HĐQT duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định, các cuộc họp đều mời và có sự tham gia chứng kiến của ban kiểm soát Công ty.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của mình đã được quy định trong Điều lệ và quy chế làm việc của Ban Kiểm soát.

Thay mặt cổ đông kiểm soát các mặt quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty, kiểm tra kiểm soát việc thực hiện nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên, các phương hướng nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị đề ra.

Tham gia các buổi họp của Hội đồng Quản trị, thông qua đó giúp cho công tác kiểm tra, kiểm soát được hiệu quả hơn.

➤ **Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

- Thù lao của HĐQT:
 - Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 5.400.000 đ/người/tháng.
 - Thù lao của UV HĐQT - Giám đốc: 5.200.000 đ/người/tháng.
 - Thù lao của UV HĐQT: 4.600.000 đ/người/tháng.
- Thù lao của Ban kiểm soát:
 - Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát: 4.600.000 đ/người/tháng.
 - Thù lao của ủy viên BKS: 4.200.000 đ/người/tháng.

➤ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

- | | | |
|--------------------------------------|------------------------|-------------|
| • Ông Hoàng Minh Hiếu Chủ tịch HĐQT | Sở hữu: 0 cổ phần | Tỷ lệ 0% |
| • Ông Nguyễn Xuân Lập Ủy viên, GĐ ĐH | Sở hữu: 0 cổ phần | Tỷ lệ 0 % |
| • Ông Nguyễn Trọng Tấn Ủy viên | Sở hữu: 30.612 cổ phần | Tỷ lệ 0,19% |
| • Ông Vũ Trọng Tuấn Ủy viên | Sở hữu: 12.244 cổ phần | Tỷ lệ 0,08% |
| • Ông Phạm Cao Nghĩa Ủy viên | Sở hữu: 0 cổ phần | Tỷ lệ 0% |

Thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ: Không thay đổi.

➤ Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác: Không.

1. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

Cơ cấu cổ đông

TT	Thành phần sở hữu	Số cổ phần	Tỉ lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	10.459.404	65,37%
2	Cổ đông khác	5.540.596	34,63%
	Tổng số	16.000.000	100%

Tình hình nắm giữ cổ phần của các cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226 Lê Duẩn, Hà Nội	10.459.404	65,37%
	Tổng cộng		10.459.404	65,37%

Nơi nhận:

- UB CK Nhà nước;
- Lưu VT, VPHĐQT.

